TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/KDTM-PT
Ngày 19/3/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên

Ngày 19/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 228/2023/TLPT-KDTM ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2023/KDTM-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 833/2023/QĐ-PT ngày 12/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐ-PT ngày 05/01/2024, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 115/2024/TB-TA ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Bê Tông Hà T

Địa chỉ: Lô I-A2 đường 23B, xã Tiên D, huyện Đông A, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Phương T – Trưởng Phòng hành chính; có mặt

-Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ

Địa chỉ: Số 91 Phùng H, phường Phúc L, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: L107 Tòa nhà FLC, Đại M, phường Đại M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Trung D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, giữa Công ty cổ phần Bê Tông Hà T (sau đây viết tắt là Công ty Hà T) ký kết hợp đồng kinh tế số: 2309/2019/HĐ/HT - HĐ và phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ/HT - HĐ với Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ (sau đây viết tắt là Công ty Hải Đ) về việc: Công ty Hải Đ đặt hàng sản xuất theo yêu cầu và mua sản phẩm của Công ty Hà T là: "Cọc ly tâm PHC – D500A" phục vụ cho dự án của Công ty Hải Đ tại Khu công nghiệp Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc với trị giá hợp đồng là: 7.546.000.000 đồng (đã bao gồm VAT).

Ngày 25/10/2021 hai bên ký phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ/HT-HĐ về việc: Mua bán cọc ly tâm, đặt hàng sản xuất theo yêu cầu của Công ty Hải Đ là: "Cọc ly tâm PHC – D500A" phục vụ cho dự án của Công ty Hải Đ tại Khu công nghiệp Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc với giá trị là: 2.310.000.000 đồng (đã bao gồm VAT).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Hà T đã cung cấp cho Công ty Hải Đ số lượng hàng hóa như sau:

T	Tên/quy cách sản phẩm	V	Phần cung cấp sản phẩm			Phần đã được nghiệm thu		
			Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)
1	Cọc BTLT - DƯL PHC - D500A, theo thiết kế điển hình. Tổ hợp từ 19-20m	m	12.000	350.000	4.200.000.000	11.549	350.000	4.042.150.000
2	Cọc BTLT - DƯL PHC - D500A, theo thiết kế điển hình. Tổ	m	14.000	340.000	4.760.000.000			

	hợp từ 21-24m						
Cộng				8.960.000.000			4.042.150.000
VAT				896.000.000			404.215.000
Tổng cộng				9,856.000.000			4.446.365.000

Ngày 20/12/2021, Công ty Hà T đã xuất hóa đơn số 0003646 với trị giá 4.446.365.000 đồng cho Công ty Hải Đ; hai bên đã có các biên bản xác nhận như sau:

- Bảng tổng hợp giá trị quyết toán được xác định từ ngày 27/9/2021 đến ngày 7/12/2021 do bà Bùi Thị A người được uỷ quyền ký.

- Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành quyết toán được xác định từ ngày 27/9/2021 đến ngày 7/12/2021 do bà Bùi Thị A người được uỷ quyền ký.

- Bảng chi tiết khối lượng cung cấp cọc được xác định từ ngày 27/9/2021 đến ngày 7/12/2021.

* Về phần thanh toán: Tổng số tiền Công ty Hải Đ trả Công ty Hà T là 3.350.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày/tháng	Số tiền thanh toán	Số tham chiếu/mã giao dịch
27/9/2021	300.000.000 VND	999S219198WOTQYG
30/9/2021	300.000.000 VND	999S2191DYJQVAU3
6/10/2021	150.000.000 VND	999S221A90BBVZUNK
7/10/2021	300.000.000 VND	FT21280740668890
21/10/2021	300.000.000 VND	FT21294921208062
25/10/2021	300.000.000 VND	FT21298760744149
30/10/2021	100.000.000 VND	FT21334882931480
03/11/2021	300.000.000 VND	FT21307010935072
09/11/2021	200.000.000 VND	FT21313094143595
02/12/2021	500.000.000 VND	FT21336370008727
07/1/2022	200.000.000 VND	FT22007765004698
07/1/2022	50.000.000 VND	FT22021396500858
27/1/2022	100.000.000 VND	FT22027430958122
18/2/2022	50.000.000 VND	FT224049176174261

17/3/2022	50.000.000 VND	FT22076370904463
10/8/2022	100.000.000 VND	FT22222702108200
18/8/2022	50.000.000 VND	FT22230467753470

Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện, số tiền Công ty Hải Đ còn nợ Công ty Hà T tại hợp đồng số 2309/2019/HĐ/HT - HĐ và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/HT - HĐ số tiền là 1.096.365.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Công ty Hải Đ thanh toán cho Công ty Hà T với số tiền là 137.800.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày/tháng	Số tiền thanh toán	Số phiếu báo có
21/3/2023	50.000.000 VND	FT23080082387600
22/5/2023	37.800.000 VND	FT23142050884792
6/7/2023	50.000.000 VND	

Công ty Hà T yêu cầu:

1. Buộc Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ thanh toán cho Công ty cổ phần Bê Tông Hà T số tiền mua hàng là 958.565.000 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ thanh toán cho Công ty cổ phần Bê Tông Hà T số tiền lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 13/6/2023) là: 131.878.565 đồng (Theo Điều 306 Luật Thương mại; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Thông báo tính lãi của các ngân hàng áp dụng đối với doanh nghiệp vay vốn).

Cộng 1 và 2 = 1.090.443. 565 đồng

3. Buộc Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ thanh toán cho Công ty cổ phần Bê Tông Hà T số tiền lãi quá hạn đến ngày thanh toán hết công nợ.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty Hải Đ xác nhận giữa Công ty Hà T và Công ty Hải Đ đã ký hợp đồng số 2309/2019/HĐ/HT – HĐ về việc: Công ty Hải Đ đặt hàng sản xuất theo yêu cầu và mua sản phẩm của Công ty Hà T là: "Cọc ly tâm PHC – D500A" phục vụ cho dự án của Công ty Hải Đ tại Khu công nghiệp Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc với trị giá hợp đồng là 7.546.000.000 đồng. Sau đó, hai bên ký phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ/HT-HĐ do dự án phát sinh thêm, trị giá phụ lục phát sinh là 2.310.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Hà T đã cung cấp cho Công ty Hải Đ số lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu, chất lượng đảm bảo; Công ty Hà T đã xuất hóa đơn và hai bên đã xác nhận giá trị hàng hóa là 4.446.365.000 đồng. Công ty Hải Đ

đã trả Công ty Hà T là: 3.350.000.000 đồng; sau đó quá trình hòa giải tại Tòa, Công ty Hải Đ đã trả tiếp cho Công ty Hà T số tiền 137.800.000 đồng (toàn bộ số tiền trên đều chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Hải Đ sang cho Công ty Hà T).

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Hải Đ đề nghị được trả dần theo lộ trình và chậm nhất đến ngày 31/12/2023 Công ty Hải Đ trả Công ty Hà T toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu.

Tuy nhiên, sau đó Công ty Hải Đ trình bày: Thời điểm ký hợp đồng với Công ty Hà T, Công ty Hải Đ có ủy quyền cho bà Bùi Thị A là Phó tổng giám đốc Công ty Hải Đ ký hợp đồng, theo đó bà Anh chỉ được ký các hợp đồng giá trị từ 2.000.000.000 đồng trở lại. Hợp đồng với Công ty Hà T trị giá gần 10 tỷ đồng là vượt quá phạm vi ủy quyền và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung này.

Nay, Công ty Hà T khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Hải Đ thanh toán cho Công ty Hà T số tiền gốc mua hàng là 958.565.000 đồng và số tiền lãi chậm trả cho đến ngày xét xử và cho đến ngày thanh toán hết công nợ. Bị đơn không đồng ý vì hợp đồng kinh tế giữa Công ty Hà T và Công ty Hải Đ ký vượt quá phạm vi ủy quyền và hiện tại Công ty Hải Đ đang rất khó khăn, số hàng mua của Công ty Hà T hiện đang đóng băng một chỗ.

* Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Kiều Văn Q và bà Nguyễn Thị L là cổ đông của Công ty Hải Đ; ông Q và bà L cùng xác nhận Công ty Hải Đ là công ty cổ phần với mức vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, công ty có 03 cổ đông, ông D là cổ đông chính chiếm giữ 58% cổ phần nên ông D quyết định phần lớn các công việc của công ty. Tuy nhiên, mỗi dự án thì các cổ đông sẽ họp lại để thống nhất phương án và lượng tiền chi cho mỗi dự án. Đối với hợp đồng giữa Công ty Hải Đ và Công ty Hà T, Công ty Hải Đ đã nhận hàng và trả một phần tiền, các nội dung cụ thể khác các cổ đông không nắm được; ông Q bà L xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Ngoài ra, bà Bùi Thị A - Phó tổng giám đốc của Công ty Hải Đ trình bày: bà là người được Tổng giám đốc ủy quyền ký hợp đồng kinh tế với một số công ty trong đó có Công ty Hà T, mỗi lần ký với các công ty thì đều có giấy ủy quyền riêng, có số văn bản và ngày tháng, chữ ký và con dấu đầy đủ của Công ty Hải Đ. Tuy nhiên theo bà Anh, với Công ty Hà T thì bà chỉ được ủy quyền ký hợp đồng trị giá 2 tỷ đồng.

Do nhu cầu cần thiết của dự án, bà được lãnh đạo công ty mà trực tiếp là ông Lương Trung D chỉ đạo ký mua bê tông thương phẩm, tổng trị giá của hợp đồng và phụ lục hợp đồng là 9.856.000.000 đồng. Thực tế, Công ty Hải Đ đã nhận một phần hàng, đã trả tiền cho Công ty Hà T; một phần hàng không lấy do dự án bị đình trệ thì hai bên đã làm quyết toán dự án, đã đối chiếu công nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty Hải Đ thanh toán cho Công ty Hà T số tiền hàng (tiền gốc) là: 958.565.000 đồng; số tiền lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 04/8/2023) là: 137.438.242 đồng; tổng là: 1.096.003. 242 đồng; Công ty Hải Đ phải trả lãi quá hạn đến ngày thanh toán hết công nợ.

- Bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận đã ký hợp đồng kinh tế và phụ lục hợp đồng kinh tế; mặc dù người đại diện theo ủy quyền đã ký trị giá hợp đồng vượt quá phạm vi ủy quyền xong do hai bên là đối tác với nhau nhiều năm nên ông không gửi đơn ra cơ quan điều tra; tuy nhiên ông đề nghị Công ty Hà T nên tạo điều kiện để ông trả gốc theo lộ trình và miễn toàn bộ tiền lãi do hàng hóa đang bị đình trệ, không mua cũng không bán được.

Ngoài ra, ông cũng xác nhận giấy ủy quyền nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ là giấy ủy quyền của Công ty Hải Đ, có chữ ký của ông, bà Anh và con dấu của công ty, ông không đề nghị giám định chữ ký; về số hàng hóa sau khi ký đã nhận không có tranh chấp về chất lượng hàng hóa; Công ty Hải Đ cũng đã chuyển trả cho Công ty Hà T là 3.487.800.000 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2023/KDTM-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 227, Điều 228, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, 34, 35, 37, 306 Luật thương mại năm 2005;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Bê Tông Hà T.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ phải trả cho Công ty cổ phần Bê Tông Hà T số tiền nợ tại HĐ kinh tế số 2309/2019/HĐ/HT - HĐ ngày 23/9/2021 và phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ/ HT – HĐ là:

Nợ gốc: 958.565.000đ (Chín trăm năm mươi tám triệu, năm trăm sáu lăm nghìn đồng)

Nợ lãi (tạm tính đến ngày 13/6/2023) là: 137.438.242 đ (Một trăm ba bẩy triệu, bốn trăm ba tám nghìn, hai trăm bốn hai đồng)

Tổng là: 1.096.003. 242đ (Một tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, không trăm không ba nghìn, hai trăm bốn hai đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ phải chịu 44.880.097đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Công ty cổ phần Bê Tông Hà T số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 23.000.000 đ tại BL số 11142 ngày 06.3.2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xin được trả dần khoản nợ gốc (trả trước ngày 31/12/2023) và xin được miễn toàn bộ lãi phải trả (vì công trình FLC Đại M là dự án bên Hải Đ cung cấp bê tông đang bị đóng băng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng 60.000.000 đồng số tiền nợ gốc, nên số nợ gốc hiện nay là 898.565.000 đồng.

Bị đơn kháng cáo đề nghị nguyên đơn dãn thời gian trả nợ gốc trong 10 tháng và miễn toàn bộ nợ lãi cho bị đơn. Bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ, sửa án sơ thẩm về số nợ gốc Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần Bê Tông Hà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần Bê Tông Hà T với Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ có địa chỉ tại số 91 Phùng H, phường Phúc L, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty cổ phần Bê Tông Hà T (sau đây viết tắt là Công ty Hà T) và Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ (sau đây viết tắt là Công ty Hải Đ) ký hợp đồng kinh tế số 2309/2019/HĐ/HT – HĐ ngày 23/9/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/HT – HĐ ngày 25/10/2021 về việc mua bán cọc ly tâm phục vụ cho dự án của Công ty Hải Đ tại Khu công nghiệp Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Hà T đã cung cấp cho Công ty Hải Đ đúng số lượng và chất lượng theo yêu cầu. Tổng giá trị hàng hóa đã nghiệm thu và xuất hóa đơn là 4.446.365.000 đồng. Bị đơn xác nhận đã nhận hàng đầy đủ, không có tranh chấp gì về số lượng, chất lượng hàng hóa. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tổng số tiền Công ty Hải Đ đã trả cho Công ty Hà T là 3.487.800.000 đồng. Nên Công ty Hải Đ còn nợ Công ty Hà T 958.565.000 đồng tiền gốc là đúng.

Về số tiền lãi chậm thanh toán, theo mục i, điều 4 hợp đồng quy định về quyền nghĩa vụ của bên A thì: "Đảm bảo thanh toán cho bên bán đúng theo điều 3, khoản

2 của hợp đồng này. Trường hợp chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi suất theo lãi ngân hàng tương ứng với số tiền chậm và thời gian chậm trả".

Như vậy, các bên có thỏa thuận về trường hợp trả lãi do chậm thanh toán nhưng chưa quy định rõ mức lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật Thương mại để xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử của ba ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam) là 7,93%/năm. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 7,5%/năm là thấp hơn và có lợi cho bị đơn, nên buộc bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn với số tiền là 137.438.242 đồng là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Hải Đ đã thanh toán thêm cho Công ty Hà T 60.000.000 đồng tiền gốc. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty Hà T cũng xác nhận, nên xác định số tiền gốc Công ty Hải Đ còn nợ Công ty Hà T là 898.565.000 đồng. Do đó cần sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã xác nhận số nợ gốc và lãi theo án sơ thẩm là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã thanh toán thêm 60.000.000 đồng tiền gốc cho nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo đề nghị nguyên đơn dãn thời gian trả nợ gốc trong 10 tháng và miễn toàn bộ nợ lãi cho bị đơn. Điều này không có trong thỏa thuận của hợp đồng và nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng trừ 60.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn và sửa lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 24; Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 306 của Luật Thương mại

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ.

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2023/KDTM-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Bê Tông Hà T đối với Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ phải trả cho Công ty cổ phần Bê Tông Hà T số tiền nợ tại hợp đồng kinh tế số 2309/2019/HĐ/HT–HĐ ngày 23/9/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/HT–HĐ ngày 25/10/2021 là:

Nợ gốc: 898.565.000 đồng

Nợ lãi: 137.438.242 đồng

Tổng là: 1.036.003. 242 đồng

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm

- Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ phải chịu 43.080.097 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty cổ phần Bê Tông Hà T 23.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0011142 ngày 06/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty cổ phần xây dựng nền móng Hải Đ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003737 ngày 22/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Hà Đông, tp Hà Nội;
- TAND quận Hà Đông, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn